

Số: 25 /2022/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số
của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số
71/TTr-STTTT ngày 03 tháng 8 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TT-GT điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo (công bố);
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lưu: VT, VX3. (H-

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Duy Thành

QUY CHẾ
Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số
của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về các hoạt động quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
2. Quy chế này không áp dụng đối với việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân quản lý, chia sẻ và sử dụng dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công dữ liệu tỉnh Vĩnh Phúc: là điểm đầu mỗi truy cập thông tin, dữ liệu trên môi trường mạng phục vụ việc công bố dữ liệu mở, cung cấp thông tin về chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước trong nội bộ của tỉnh Vĩnh Phúc; cung cấp các tài liệu, dịch vụ, công cụ, ứng dụng xử lý, khai thác dữ liệu được công bố bởi các cơ quan nhà nước trong nội bộ của tỉnh Vĩnh Phúc.
2. Danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh Vĩnh Phúc: là danh mục các cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành theo quy định tại khoản 4 Điều 11 và khoản 2 Điều 55 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.
3. Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Vĩnh Phúc: tổng hợp các nguồn thông tin, dữ liệu của tỉnh trên các lĩnh vực; quan sát tổng thể theo thời gian thực đối với các tài sản, dịch vụ thông minh, qua đó giúp lãnh đạo các cấp có khả năng giám sát, điều hành, hỗ trợ chỉ huy và quản lý chất lượng dịch vụ do các cơ quan nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc; có khả năng phân tích dữ liệu lớn và hỗ

trợ ra quyết định đem lại hiệu quả, cơ hội phát triển các ngành, lĩnh vực và kinh tế - xã hội.

Chương II

XÂY DỰNG, KẾT NỐI VÀ CHIA SẺ CƠ SỞ DỮ LIỆU TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh

1. Các cơ quan, đơn vị khi xây dựng cơ sở dữ liệu để đưa vào danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Dữ liệu phải bảo đảm giá trị pháp lý tương đương các văn bản giấy chứa thông tin được cơ quan có thẩm quyền cung cấp;

b) Chứa dữ liệu chủ (là dữ liệu chứa thông tin cơ bản nhất để định danh và mô tả các đối tượng thực thể nghiệp vụ cốt lõi và độc lập) làm cơ sở tham chiếu, đồng bộ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu của sở, ban, ngành, địa phương;

c) Dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh được chia sẻ, sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

2. Trường hợp bổ sung cơ sở dữ liệu vào danh mục, chỉnh sửa danh mục hoặc rút cơ sở dữ liệu khỏi danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh, cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu có văn bản đề nghị kèm thuyết minh lý do đề nghị, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh.

Trường hợp bổ sung cơ sở dữ liệu vào danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh phải bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Tên cơ sở dữ liệu;
- b) Tên đơn vị quản lý;
- c) Mô tả mục đích, phạm vi, nội dung của cơ sở dữ liệu;
- d) Cơ chế thu thập, cập nhật, nguồn dữ liệu được thu thập của cơ sở dữ liệu;
- đ) Hình thức chia sẻ dữ liệu.

3. Danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh được cập nhật theo nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin của từng giai đoạn phát triển Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số của tỉnh hoặc khi có đề nghị của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh

1. Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) của tỉnh là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống bên ngoài.

2. Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh quản lý tập trung danh mục các dịch vụ chia sẻ dữ liệu của các cơ quan nhà nước do Sở Thông tin và Truyền thông thống nhất xây dựng và quản lý để cung cấp cho các cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng.

3. Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh cung cấp các chức năng:

a) Quản lý và giám sát tập trung thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh;

b) Quản lý và kiểm soát trạng thái hoạt động các hệ thống thông tin, ứng dụng, dịch vụ liên thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh;

c) Hỗ trợ các cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu khai báo, cập nhật thông tin về các dịch vụ chia sẻ dữ liệu;

d) Hỗ trợ các cơ quan nhà nước tìm kiếm, đăng ký và khai thác sử dụng các nguồn dữ liệu, dịch vụ dữ liệu được cơ quan nhà nước khác chia sẻ;

đ) Hỗ trợ tiếp nhận yêu cầu kết nối, khai thác dịch vụ chia sẻ dữ liệu;

e) Hỗ trợ khác tạo thuận lợi cho kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

4. Cơ quan nhà nước tra cứu thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh để thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác các nguồn thông tin, dữ liệu khả dụng của cơ quan nhà nước.

Điều 6. Triển khai xây dựng dữ liệu

1. Các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước thuộc tỉnh chủ trì, triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực theo danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Điều kiện hạ tầng phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu của cơ quan cung cấp và sử dụng dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

3. Cơ sở dữ liệu xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu theo quy định tại Chương III của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Trong trường hợp cơ sở dữ liệu đã có chưa đáp ứng được yêu cầu thì xác định các nội dung công việc đưa vào kế hoạch thực hiện khi nâng cấp bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu theo quy định.

Điều 7. Bảo đảm an toàn dữ liệu khi kết nối, chia sẻ dữ liệu

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh, các hệ thống thông tin với Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung tỉnh phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định sau:

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đối với Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung tỉnh và cơ sở hạ tầng hệ thống mạng và dịch vụ hệ thống tại Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh.

2. Cơ quan quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

3. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên hệ thống của mình, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

4. Cơ quan khai thác dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ.

Điều 8. Kiểm tra đánh giá, duy trì dữ liệu

1. Dữ liệu phải được kiểm tra, đánh giá theo quy định trước khi công bố; việc kiểm tra, đánh giá phải được thường xuyên thực hiện và duy trì định kỳ hằng năm.

2. Nội dung kiểm tra, đánh giá dữ liệu được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

3. Chủ quản của cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để duy trì dữ liệu theo kết quả kiểm tra, đánh giá hằng năm.

Điều 9. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, khai thác dữ liệu giữa các đơn vị phải thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) của tỉnh và theo Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện đánh giá và rà soát dữ liệu theo ngành của mình ở Trung ương, của cơ quan, cung cấp thông tin về hiện trạng dữ liệu cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp vào danh mục dữ liệu của tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh khi có nhu cầu đề xuất khai thác dữ liệu trong và ngoài tỉnh thì phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông để hướng dẫn, thực hiện theo quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kết nối, sử dụng, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu bộ, ngành theo quy định của pháp luật.

5. Đầu mối dữ liệu cơ quan, đơn vị và đầu mối dữ liệu cấp tỉnh sẽ giám sát và phối hợp thực hiện các nội dung phát sinh.

Chương III

QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 10. Quản lý dữ liệu

1. Các hoạt động về quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu được thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu ngành có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá duy trì dữ liệu hàng năm. Đầu mỗi cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm lên kế hoạch thực hiện kiểm tra, đánh giá duy trì nội bộ.

Điều 11. Khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai sử dụng dữ liệu số trong hoạt động hành chính để thay thế sử dụng tài liệu giấy khi dữ liệu số bảo đảm giá trị pháp lý theo quy định.

2. Các cơ quan hành chính nhà nước có quyền khai thác dữ liệu dùng chung đã được công bố trên Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung tỉnh và trên Cổng dữ liệu tỉnh.

3. Người dân và doanh nghiệp: Có quyền khai thác dữ liệu mở, dữ liệu công khai do các cơ quan hành chính nhà nước cung cấp trên Cổng dữ liệu tỉnh.

4. Cơ quan, đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu là đầu mối phân tích, tổng hợp dữ liệu thuộc ngành mình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phục vụ chỉ đạo điều hành trong tỉnh.

5. Các cơ quan, đơn vị sử dụng dữ liệu số trong hoạt động phân tích, tổng hợp dữ liệu, phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của cơ quan, đơn vị, ngành, lĩnh vực.

Điều 12. Tổ chức đầu mối, phối hợp quản lý dữ liệu

1. Đầu mối quản lý, chia sẻ dữ liệu bao gồm đầu mối cấp tỉnh và đầu mối cấp cơ quan, đơn vị:

a) Đầu mối cấp tỉnh: Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm về quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu chung của tỉnh; phối hợp với đầu mối cấp cơ quan, đơn vị xử lý các vấn đề về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong nội bộ tỉnh và kết nối quản lý, kết nối dữ liệu ra ngoài tỉnh;

b) Đầu mối cơ quan, đơn vị: Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (có xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu) cử một cán bộ làm đầu mối để phụ trách quản lý, chia sẻ dữ liệu với các đơn vị khác trong nội bộ tỉnh và phối hợp với đầu mối cấp tỉnh xử lý các vấn đề về kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan cấp bộ, ngành mình.

2. Cán bộ đầu mối phải là các cán bộ chuyên môn, kỹ thuật có khả năng tham mưu, triển khai các nhiệm vụ liên quan đến quản trị dữ liệu theo quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý, cung cấp dữ liệu

1. Cơ quan quản lý, cung cấp dữ liệu có quyền sau:

a) Từ chối đề nghị chia sẻ dữ liệu nếu đề nghị cung cấp dữ liệu không phù hợp với quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan. Trong trường hợp này, cơ quan cung cấp dữ liệu phải nêu rõ lý do từ chối và

thông báo cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết vướng mắc quy định tại Điều 48 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP;

b) Yêu cầu cơ quan, đơn vị sử dụng dữ liệu thông báo tình hình sử dụng dữ liệu đã chia sẻ trong trường hợp có dấu hiệu việc sử dụng dữ liệu không phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Tạm dừng hoặc chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Điều 43 và Điều 44 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý, cung cấp dữ liệu có trách nhiệm sau:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu với vai trò là cơ quan cung cấp dữ liệu đối với dữ liệu do mình quản lý;

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin hiện có nhằm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, cấu trúc dữ liệu trao đổi phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh;

c) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng việc kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với dữ liệu do mình quản lý;

d) Xây dựng và hoàn thiện các tài liệu hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với dữ liệu do mình quản lý;

đ) Quản lý, công bố dữ liệu đối với dữ liệu do mình quản lý theo quy định của pháp luật; bảo đảm việc quản lý dữ liệu của cơ quan phù hợp với thực tiễn quản lý dữ liệu;

e) Bảo đảm chất lượng dữ liệu được cung cấp; cập nhật dữ liệu kịp thời; đính chính, hiệu chỉnh khi có sai lệch dữ liệu;

g) Rà soát, đánh giá cơ sở hạ tầng thông tin, hạn chế các rào cản về điều kiện cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu; đánh giá các vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ trong việc chia sẻ dữ liệu; báo cáo cấp có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về chia sẻ dữ liệu;

h) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền tình hình cung cấp và trao đổi dữ liệu khi có yêu cầu;

i) Phối hợp với cơ quan khai thác dữ liệu và cơ quan có thẩm quyền giải quyết vướng mắc để giải quyết các vướng mắc trong quá trình chia sẻ, sử dụng dữ liệu;

k) Chia sẻ dữ liệu đang quản lý về cá nhân, tổ chức cho cơ quan hành chính nhà nước khác có nhu cầu khi cá nhân, tổ chức đó đề nghị.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng dữ liệu

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có quyền sau:

- a) Tổ chức khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh vào công tác quản lý hành chính nhà nước của cơ quan mình;
 - b) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc làm ảnh hưởng đến quyền khai thác, sử dụng dữ liệu của mình;
 - c) Tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh các quy định để đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nghiệp vụ hành chính chuyên ngành trên cơ sở khai thác dữ liệu được chia sẻ.
2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm sau:
- a) Tuân thủ các quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và các quy định về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu được quy định Quy chế này;
 - b) Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng;
 - c) Thông báo kịp thời cho cơ quan cung cấp dữ liệu về những sai sót của dữ liệu đã chia sẻ;
 - d) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, cơ quan cung cấp dữ liệu để giải quyết các vướng mắc trong quá trình khai thác, sử dụng dữ liệu.

Điều 15. Xử lý vướng mắc

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các vướng mắc phát sinh khi kết nối, sử dụng dữ liệu do mình cung cấp.
2. Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, giải quyết các vướng mắc liên quan đến kỹ thuật, công nghệ, việc áp dụng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
3. Trình tự và phương án giải quyết vướng mắc được quy định tại Điều 49 và Điều 50 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, triển khai, vận hành Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh, Cổng dữ liệu tỉnh và Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh của tỉnh, tuân thủ các quy định, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ tỉnh và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh và Danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước tỉnh, tổ chức xây dựng kế hoạch và triển

khai công bố danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh và dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Thực hiện lập và triển khai chương trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá dữ liệu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Việc kiểm tra, đánh giá thực hiện theo Điều 16 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Chủ trì tham mưu triển khai kiểm tra, giám sát cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu tự động trên môi trường số (kết nối các hệ thống thông tin cần kiểm tra, giám sát với Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung tỉnh và hiển thị kết quả trên Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh).

4. Tổ chức hướng dẫn, phổ biến, đôn đốc các cơ quan thực hiện các quy định tại Quy chế này. Hướng dẫn các cơ quan thực hiện các yêu cầu kỹ thuật kết nối đến hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh, bảo đảm an toàn thông tin và phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Tổng hợp việc thực hiện các quy định tại Quy chế này, kết quả thực hiện kết nối đến hệ thống cơ sở dữ liệu của các cơ quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tham mưu với cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí triển khai các dự án xây dựng, nâng cấp các hệ thống thông tin thuộc danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh để đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu với cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Chủ trì tham mưu với cấp có thẩm quyền, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh mạng trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu số tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Tổ chức thực hiện các nội dung của Quy chế này tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xây dựng, quản lý, kết nối, sử dụng, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.